

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bản án số: **54/2023/HNGĐ-ST**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: **03/4/2023**

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Ông **Trương Tha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 724/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023 và Thông báo dời ngày xét xử số 09/2023/TB-TA ngày 17/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Châu Nhật T**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số 35 Trại Gà, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh K. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Châu Nhật T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Diêm, thị xã N, tỉnh K vào ngày 29/11/2017. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do không hợp tính tình, bà T không chăm lo làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng không hạnh phúc và đã không

sống chung với nhau hơn 01 năm nay, ông xác định không còn tình cảm với bà T nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Châu Hoàng Anh, sinh ngày 20/4/2015, từ nhỏ đến nay cháu Anh sống cùng bà T và ông bà ngoại ở tổ dân phố Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm nên khi ly hôn ông yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung với bà T.

Tại phiên tòa, ông Châu Nhật T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Đối với bị đơn** bà Nguyễn Thị Phương T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành lấy lời khai của bà T và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:***

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Châu Nhật T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T. Về con chung: Giao con chung là Châu Hoàng Anh, sinh ngày 20/4/2015 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung với bà T nên không xem xét.

Về án phí: ông Châu Nhật T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Nhật T và bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Diêm, được Ủy ban nhân dân phường Ninh Diêm cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2017 ngày 29/11/2017 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau hơn 01 năm nay, ông T xác định không còn tình cảm với bà T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T không đến Tòa để giải quyết vụ án chứng tỏ bà T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

2.2. Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Châu Hoàng Anh, sinh ngày 20/4/2015. Hiện tại, cháu Anh đang sống chung với bà T và ông ngoại từ nhỏ cho đến nay nên ông T yêu cầu giao con chung cho bà T là phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định cho con chung. Ông T không cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án bà T cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử xác định ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông Châu Nhật T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Nhật T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Châu Hoàng Anh, sinh ngày 20/4/2015 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến

tuổi trưởng thành. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Châu Nhật T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0005279 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND Phường Ninh Diêm, thị xã N;
- GCNKH số: 88/2017 ngày 29/11/2017;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Hải

THÀNH

